

Bản án số: 28/2017/HNGĐ – ST
Ngày 29 -11 - 2017
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Doan

2. Bà Nguyễn Thị Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX - ST ngày 26 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn K (Lê Văn K1), sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 9 năm 2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh Lê Văn K (K1) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn ngày 01/01/1994 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình anh K, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do anh K thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không chịu khó làm ăn về nhà còn đánh chửi chị. Chị khuyên bảo nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Vì không chịu đựng được nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2014 cho đến nay. Năm 2015 chị làm đơn xin ly hôn anh K, Tòa án có hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nên chị đồng ý rút đơn để cho anh K có cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh K không thay đổi mà còn si nhục và xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Tùng L1, sinh ngày 11/01/1995 và Lê Lâm T, sinh ngày 16/01/1998. Các con đang ở với chị và đã đủ tuổi trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn K (Lê Văn K1) trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung như chị L trình bày là đúng. Quá trình giải quyết vụ án anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung và các con đều đủ tuổi trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung và tài sản chung chị L, anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Văn K (K1) có địa chỉ tại thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 01/01/1994 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị L và anh K đang sinh sống thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh K có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường xuyên rượu chè, cờ bạc và về nhà đánh chửi chị L. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh K, chính quyền địa phương không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L làm đơn xin ly hôn anh K vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 7 năm 2014 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Chị L làm đơn xin ly hôn và anh K đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh K có hai con chung là Lê Tùng L1, sinh ngày 11/01/1995 và Lê Lâm T, sinh ngày 16/01/1998. Hiện nay hai con của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị L, anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng L được ly hôn với anh Lê Văn K (Lê Văn K1).
2. Về con chung: Vợ chồng chị L, anh K có hai con chung là Lê Tùng L1, sinh ngày 11/01/1995 và Lê Lâm T, sinh ngày 16/01/1998. Hiện nay hai con của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị L, anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001867 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã X;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung